

HP3.3 : GIỚI THIỆU HIỂU BIẾT CHUNG VỀ QUÂN BINH CHUNG

Phần 1: Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các Quân binh chủng

1. Tổ chức và hệ thống tổ chức trong QĐNDVN

a. Những vấn chung về QĐNDVN

- Khái niệm

QĐNDVN, Quân đội của nước CHXHCNVN, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của ĐCSVN, thuộc quyền thống lĩnh của chủ tịch nước CHXHCNVN và sự chỉ huy điều hành của bộ trưởng BQP, một quân đội kiểu mới, quân đội của dân do chủ tịch HCM tổ chức giáo dục và rèn luyện, lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân VN trong nhiệm vụ giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc

QĐNDVN mang bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, có mục tiêu chiến đấu nhất quán vì độc lập dân tộc của tổ quốc vì CNXH, vì hạnh phúc của nhân dân.

b. Thành phần cơ cấu QĐNDVN

- Bộ đội chủ lực

- Bộ đội địa phương

- Bộ đội biên phòng

- Lực lượng thường trực

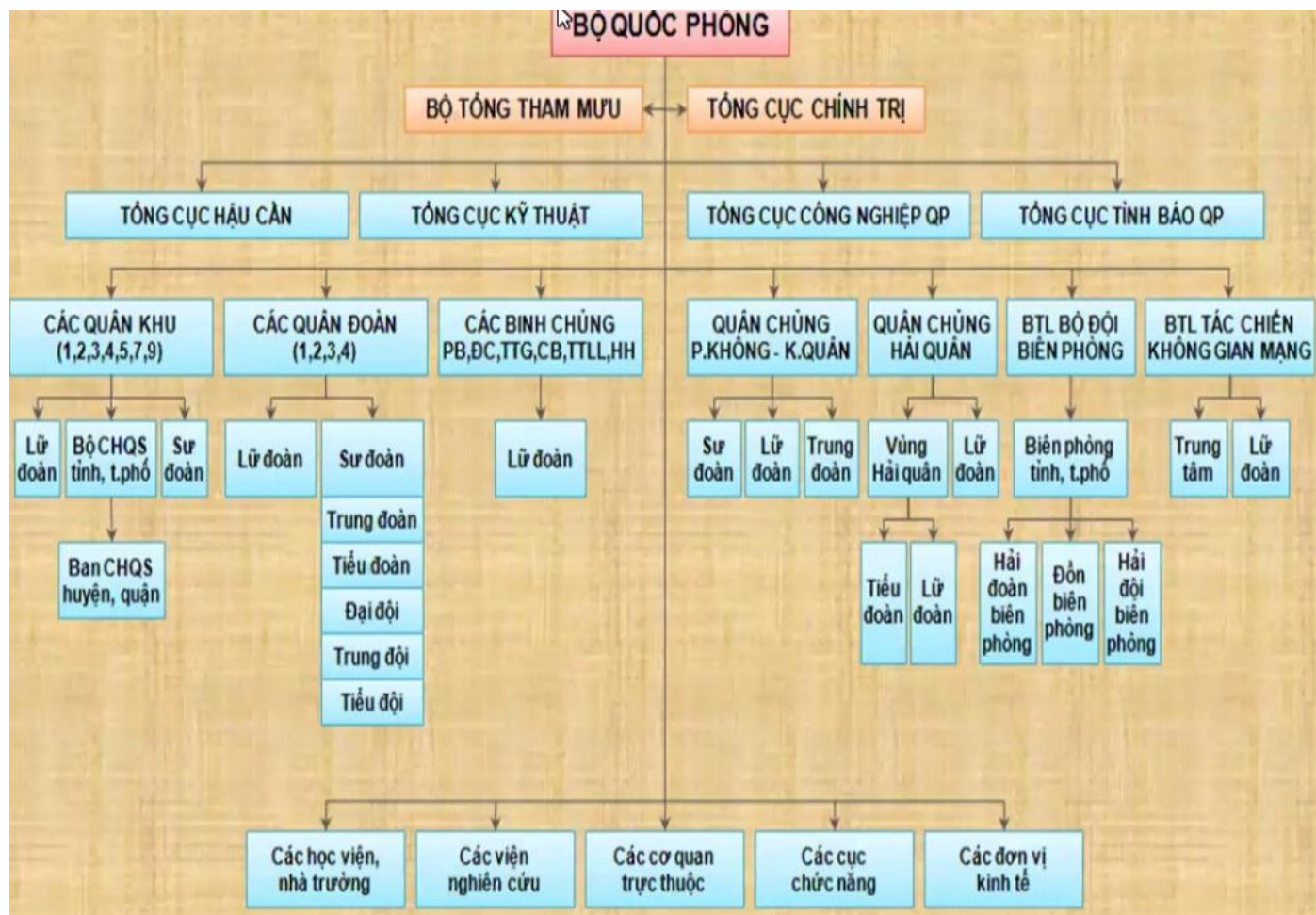
- Lực lượng dự bị

- Các Quân chủng LQ, HQ, PK-KQ

2. Hệ thống tổ chức trong QĐNDVN

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chính trị của quân đội. Phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Truyền thống tổ chức quân đội của dân tộc qua từng giai đoạn lịch sử.

Sơ đồ tổng quát tổ chức QĐNDVN



Chức năng nhiệm vụ của một số cơ quan đơn vị

1. Bộ Quốc phòng:

Là cơ quan lãnh đạo, chỉ huy quản lý cao nhất của toàn quân.

2. Bộ Tổng tham mưu và cơ quan tham mưu các cấp

Là cơ quan chỉ huy các lực lượng vũ trang; Có chức năng bảo đảm trình độ sẵn sàng chiến đấu của LLVT và điều hành mọi hoạt động quân sự quốc phòng trong thời bình và thời chiến

3. Tổng cục chính trị và cơ quan chính trị các cấp

Là cơ quan đảm nhiệm CTĐ-CTCT trong QĐND hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp thường xuyên của Bộ chính trị Quân ủy trung ương

Nhiệm vụ: Căn cứ vào Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên, đề xuất những chủ trương, giải pháp, kế hoạch CTĐ- CTCT của toàn dân, của từng đơn vị, các tổ chức. Tiến hành và thực hiện tốt CTĐ – CTCT bảo đảm cho quân đội thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

4. Tổng cục hậu cần và cơ quan hậu cần các cấp.

Là cơ quan tham mưu bảo đảm về mặt hậu cần cho toàn quân và từng đơn vị.

Nhiệm vụ: Nghiên cứu đề xuất các vấn đề liên quan đến tổ chức lực lượng, chỉ đạo công tác bảo đảm hậu cần cho nền QP, quân đội, LLVT cả trong thời bình và thời chiến. Trực tiếp tổ chức, chỉ đạo bảo đảm hậu cần cho bộ đội, tăng gia sản xuất, tạo nguồn và nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng vật tư trang bị...

5. Tổng cục kỹ thuật và cơ quan kỹ thuật các cấp

Là cơ quan đảm bảo trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật phục vụ cho nhiệm vụ huấn luyện và SSCĐ, chiến đấu cho toàn quân và từng đơn vị

6. Tổng cục công nghiệp quốc phòng, các cơ quan, đơn vị sản xuất quốc phòng.

Là cơ quan, đơn vị chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ sản xuất quốc phòng

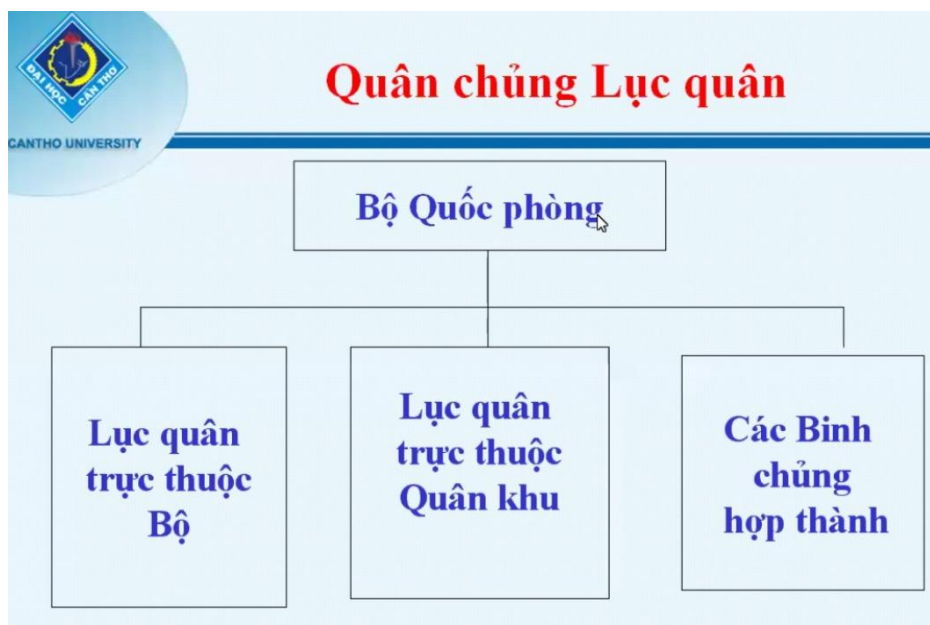
Phần 2: Lịch sử, truyền thống các quân binh chủng

1. Quân chủng Lục quân

Lục quân Việt Nam không tổ chức thành bộ tư lệnh riêng mà đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của BQP,

BTTM, Tổng cục chính trị, sự chỉ đạo chuyên ngành của các tổng cục và cơ quan chức năng khác

Lục quân là quân chủng hoạt động chủ yếu trên mặt đất, thường có số quân đông nhất, trang bị và phương thức tác chiến đa dạng, phong phú. Là lực lượng chính quyết định kết cục của chiến tranh



Quân khu 1

Là đơn vị quân sự cấp quân khu, trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy quân đội chiến đấu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ vùng Đông Bắc

Gồm 6 tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Giang, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Thái Nguyên.

Ngày truyền thống **16/10/1945**

Truyền thống về vang

“Trung hiếu, tiên phong, đoàn kết, chiến thắng”

Quân khu 2

Trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địa chính trị chiến lược bảo vệ vùng Tây Bắc. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn quân khu.

Gồm các tỉnh: Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Tuyên Quang, Yên Bái, Điện Biên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Sơn La

Ngày truyền thống **19/10/1946**

Truyền thống về vang

“Trung thành, tự lực, đoàn kết, anh dũng, chiến đấu”

Quân khu 3

Quân khu 3 trực thuộc Bộ Quốc phòng, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Đồng bằng sông Hồng Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn quân khu

Gồm các tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hòa Bình, Ninh Bình

Ngày truyền thống **31/10/1945**

Truyền thống về vang

“Đoàn kết, chủ động, sáng tạo, hy sinh, chiến thắng”

Quân khu 4

Nhiệm vụ: bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ

Gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

Ngày truyền thống **15/10/1945**

Truyền thống về vang

“Trung thành, tự lực, đoàn kết, anh dũng, chiến thắng”

Quân khu 5

Quân khu 5 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, hiện nay có chức năng nhiệm vụ cơ bản là tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc Quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Nam Trung Bộ, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân ở địa phương trên địa bàn.

Gồm 11 tỉnh: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông.

Ngày truyền thống **16/10/1945**

Truyền thống về vang

“Tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ, mưu trí sáng tạo, chiến đấu kiên cường, chiến thắng về vang”

Quân khu 7

Quân khu 7 là tổ chức quân sự theo vùng lãnh thổ, được thành lập ngày 10/12/1945, nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đông Nam Bộ.

Gồm: Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Lâm Đồng, Bình Thuận và Thành phố HCM.

Ngày truyền thống **10/12/1945**

Truyền thống về vang:

“Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng”

Quân khu 9

Quân khu 9 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt nam nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

Gồm các tỉnh thành: Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, An Giang, Kiên Giang và TP Cần Thơ

Ngày truyền thống **10/12/1945**

Truyền thống về vang:

“Quân dân đoàn kết, kiên cường bám trụ, tự lực tự cường, anh dũng chiến đấu”

2. Quân đoàn

Quân đội nhân dân Việt Nam có các Quân đoàn 1, 2, 3 và 4. Mỗi quân đoàn có 3-5 sư đoàn bộ binh và các đơn vị thiết giáp, công binh, pháo binh, phòng không, thông tin, hóa học...

Quân đoàn 1

Binh đoàn Quyết thắng

- Trước diễn biến trên chiến trường và trước các điều kiện | khách quan và chủ quan, tháng 10/1973 Quân uỷ Trung ương và BQP đề nghị Bộ Chính trị thành lập các quân đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Ngay sau khi thành lập, Quân đoàn 1 đã khẩn trương xây dựng Quân đoàn thành một Binh đoàn chủ lực, cơ động chiến lược của Quân đội nhân dân Việt Nam: có khả năng chiến đấu cao, cơ động lớn, đột kích mạnh, có | khả năng tác chiến tập trung hiệp đồng quân binh chủng quy mô lớn.

Ngày truyền thống **24/10/1973**

Truyền thống về vang **“Thần tốc Quyết thắng”**

Quân đoàn 2

Binh đoàn Hương Giang

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường quân sự tiến tới thống nhất đất nước, Theo đó, ngày 17/5/1974, Quân đoàn 2 được thành lập tại Ba Nang - Ba Lòng - Quảng Trị.

Ngày truyền thống **17/5/1974**

Truyền thống về vang

“Thần tốc - Táo bạo - Quyết thắng”

Quân đoàn 3 Binh đoàn Tây Nguyên

Chiến dịch Tây Nguyên thành công lớn, quân đội Việt Nam Cộng hòa bị xóa sổ khỏi Tây Nguyên và bỏ chạy về duyên hải miền trung. Ngày 26 tháng 3 năm 1975, các đơn vị chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam tại Tây Nguyên tập hợp lại thành một đơn vị cấp quân đoàn.

Ngày truyền thống **26/3/1975**

Truyền thống về vang

“Quyết thắng - Sáng tạo - Đoàn kết - Thống nhất - Nghiêm túc- Tự lực”

Quân đoàn 4 Binh đoàn Cửu Long

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường quân sự tiến tới thống nhất đất nước, tháng 10/1973 Quân ủy TW và BQP đề nghị Bộ Chính trị thành lập các quân đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam, ở Nam bộ và Cực Nam Trung Bộ

Ngày truyền thống **20/7/1974**

Truyền thống về vang

“Trung thành – Đoàn kết - Anh dũng - Sáng tạo -Tự lực - Quyết thắng”

CÁC BINH CHỦNG HỢP THÀNH

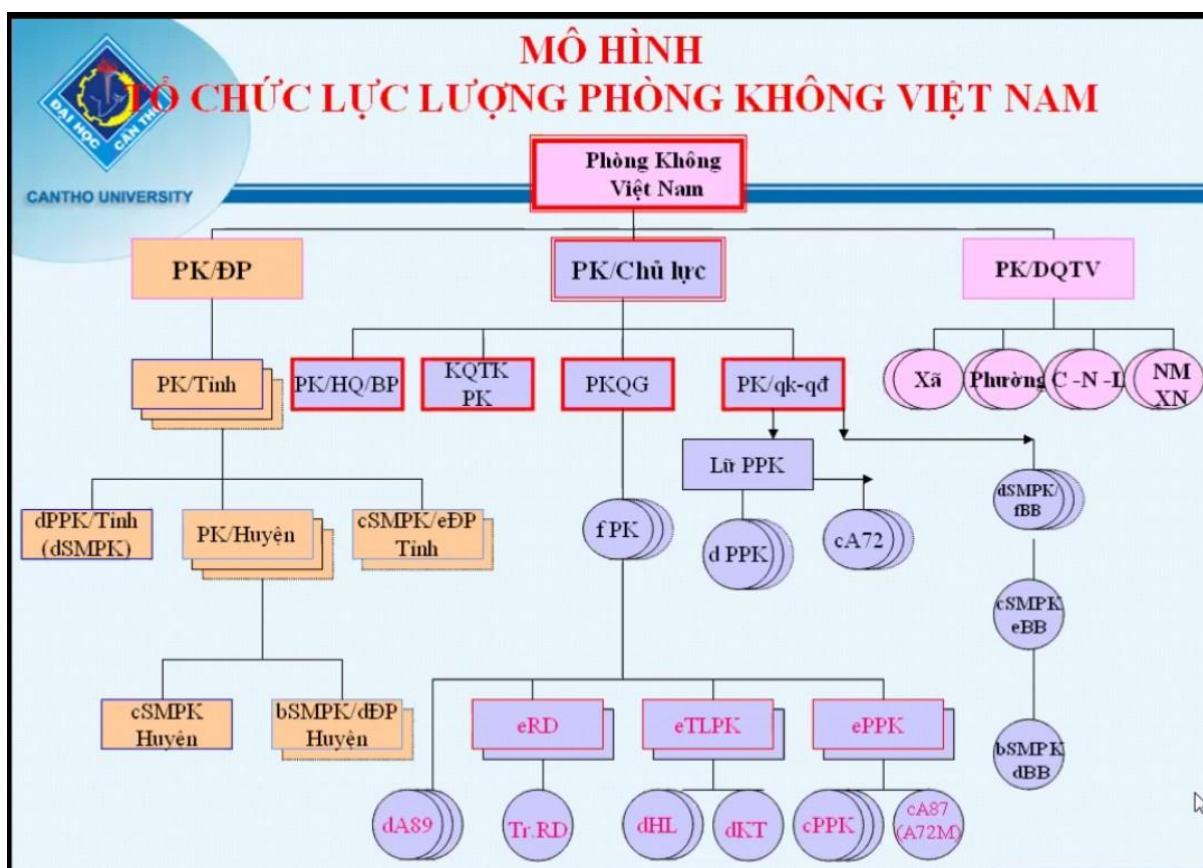
1. Binh chủng pháo binh
2. Binh chủng tăng – thiết giáp
3. Binh chủng đặc công
4. Binh chủng công binh
5. Binh chủng thông tin liên lạc
6. Binh chủng hóa học

QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG – KHÔNG QUÂN

Chức năng nhiệm vụ

Nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ không phận, mặt đất và biển đảo Việt Nam; cứu trợ, tìm kiếm cứu nạn và các nhiệm vụ khác. Quân chủng Phòng không - Không quân là lực lượng nòng cốt quản lý, bảo vệ vùng trời, bảo vệ các mục tiêu trọng điểm quốc gia, bảo vệ nhân dân đồng thời tham gia bảo vệ các vùng biển đảo của Tổ quốc.

Lực lượng Phòng không - Không quân có thể độc lập thực hiện nhiệm vụ hoặc tham gia tác chiến trong đội hình quân binh chủng hợp thành.



Lịch sử, truyền thống

Cho đến tận năm 1950, dù phần nào có những lực lượng mạnh để thực hiện tiến công chiến lược, các đơn vị của Quân đội Nhân dân Việt Nam vẫn gần như bất lực trước các hoạt động trinh sát hoặc tấn công từ trên không của người Pháp.

Ngày 9 tháng 3 năm 1949, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra quyết định thành lập Ban Nghiên cứu Không quân thuộc Bộ Tổng Tham mưu để nghiên cứu các phương pháp chống trả.

Hình thành Bộ Tư lệnh phòng không và Cục Không quân

Ngày 3 tháng 3 năm 1955, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 15/QĐA thành lập Ban nghiên cứu Sân bay trực thuộc Tổng Tham mưu trưởng.

Ngày 26 tháng 1 năm 1956, Việt Nam tiếp nhận 5 máy bay đầu tiên do Trung Quốc viện trợ gồm 2 Li-2 và 3 Aero 45.

Sau một năm huấn luyện, ngày 1 tháng 3 năm 1959, Trung đoàn đối không căn cứ 260 bắt đầu phát sóng.

Ngày này về sau được lấy làm ngày truyền thống của Bộ đội Ra-da.

Ngày 24 tháng 1 năm 1959, Bộ Quốc phòng ra nghị định thành lập Cục Không quân trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu trên cơ sở hợp nhất các tổ chức và lực lượng của Ban Nghiên cứu sân bay và Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

3. Thành lập quân chủng

Quân chủng Phòng không-Không quân Việt Nam được thành lập ngày 22 tháng 10 năm 1963 trên cơ sở sát nhập Bộ Tư lệnh Phòng không và Cục Không quân.

Tách - nhập Quân chủng

Trong thời gian từ 16 tháng 5 năm 1977 đến 3 tháng 3 năm 1999, Quân chủng Phòng không-Không quân tách ra thành hai Quân chủng Phòng không và Không quân riêng biệt. Việc chia tách này phần nào áp đặt theo mô hình tổ chức của Liên Xô. Chính vì vậy, sau khi Liên Xô tan rã, mô hình 2 quân chủng cũng không còn phù hợp, cần tinh giản và gọn nhẹ trong bộ máy quản lý. Từ tháng 3 năm 1999, sát nhập lại thành Quân chủng Phòng không - Không quân.

THÀNH TÍCH

Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, Quân chủng Phòng không- Không quân đã bắn rơi 2.635 máy bay trong tổng số 4.181 máy bay Mỹ bị quân và dân ta bắn rơi trên miền Bắc, gồm tất cả các kiểu loại hiện đại nhất của không quân Mỹ trong đó có 64 chiếc B-52, 13 chiếc F 111, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái. Các sự đoàn phòng không được tuyên dương khen thưởng sau chiến tranh bao gồm Sư đoàn 361, 363, 365, 367 và 375.

QUÂN CHỦNG HẢI QUÂN

1. Chức năng, nhiệm vụ các binh chủng của quân chủng Hải quân

| - Quân chủng Hải quân là lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên biển. Hải quân | nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát chặt chẽ các vùng biển, hải đảo thuộc chủ quyền của | Việt Nam trên Biển Đông; giữ gìn an ninh, chống lại mọi hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên biển; Bộ tư lệnh Hải quân chỉ huy toàn bộ lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam

Hải quân nhân dân Việt Nam có 5 vùng Hải quân (1, 2, 3, 4, 5) và các đơn vị trực thuộc. Lực lượng chủ yếu của Hải quân nhân dân Việt Nam là các đơn vị tàu mặt nước, pháo - tên lửa bờ biển; hải quân đánh bộ; đặc công hải quân và các đơn vị phòng thủ đảo. Hải quân nhân dân Việt Nam đã được tăng cường lực lượng và phương tiện để làm tốt nhiệm vụ tìm kiếm và cứu nạn.